**KIỂM TRA HỌC KỲ 1 – LỚP 11**

**Năm học 2023-2024**

**Môn: Ngữ văn**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

Hình thức: Tự luận

1. **MỤC TIÊU KIỂM TRA**

**1. Năng lực**

- Nhằm đánh giá chính xác yêu cầu cần đạt về các năng lực đọc, viết trong chương trình Ngữ văn 11, đề kiểm tra học kì I năm học 2023-2024 bao quát phạm vi tri thức Đọc - hiểu, tri thức Tiếng Việt, tri thức Làm văn các bài 3, 4, 5 và năng lực viết bài văn nghị luận. Đề thi có thời gian làm bài là 90 phút với cấu trúc hai phần tương ứng với năng lực đọc hiểu và năng lực tạo lập văn bản.

- Đề thi sẽ hình thành cho học sinh năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề.

- Đề thi đánh giá năng lực đọc và viết được mô tả trong bảng đặc tả đính kèm. Từ đó xác định căn cứ xếp loại học lực và cung cấp thông tin phản hồi về quá trình dạy học để có biện pháp điều chỉnh cho hợp lí.

**2. Phẩm chất**

- Biết yêu thương, đồng cảm, sẻ chia với đời sống con người, gia đình và xã hội.

- Học sinh thể hiện được thái độ trung thực, trách nhiệm.

**II. GIỚI HẠN NỘI DUNG KIỂM TRA**

**-** Phần tri thức đọc hiểu: tri thức Ngữ văn, tri thức tiếng Việt thuộc bài 3, bài 4, bài 5 sách Ngữ văn 11, học kì 1

- Tạo lập văn bản: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

**III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA**

- 100% Tự luận

- Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

- Học sinh không được sử dụng tài liệu

**IV. THIẾT LẬP MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**1. Minh họa kiểm tra cuối kì I, lớp 11**

1.1. Khung ma trận đề kiểm tra giữa kỳ môn Ngữ văn, lớp 11

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức/Đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | |  |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **1** | **Đọc** | * Văn nghị luận * Truyện thơ dân gian và thơ trữ tình * Bi kịch | **3**  (20%) | **3**  (25%) | **2**  (15%) |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực) | **1\***  (5%) | **1\***  (20%) | **1\***  (10%) | **1\***  (5%) | **40** |
| **Tổng** | | | ***25%*** | ***45%*** | ***25%*** | ***5%*** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | **30%** | |  |

**1.2. Bảng đặc tả các mức độ kiểm tra, đánh giá định kì Ngữ văn, lớp 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng %**  **60** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **I** | **Đọc hiểu** | **1. Truyện thơ và Thơ trữ tình** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được phương thức biểu đạt, thể thơ, chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được ngôi kể, hình ảnh, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.  - Nhận biết được tâm trạng, tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình ảnh, hình thức bài thơ.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa biểu tượng trong bài thơ (nếu có).  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.  - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ. |  |  |  |  |
| **2. Văn bản nghị luận** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được phương thức biểu đạt, luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng trong văn bản  - Nhận biết được câu chủ đề, đề tài, nội dung của văn bản.  - Nhận biết mục đích, thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa, nội dung tư tưởng, tình cảm của người viết  - Phân tích, lí giải được quan điểm, mục đích, thông điệp, bài học của văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay thông điệp của văn bản đối với con người hoặc cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm hay thái độ của người viết |  |  |  |  |  |
| **3. Bi kịch** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được phương thức biểu đạt, chi tiết, hình ảnh, đề tài, bối cảnh, nhân vật trong kịch.  - Nhận biết được lời nói của nhân vật, lời tác giả, lời chỉ dẫn, lời thuyết minh trong kịch.  - Nhận biết được tâm trạng, tình cảm, cảm xúc của nhân vật trong kịch.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa, nội dung, câu nói, tính cách, tài năng, nhân vật trong kịch  - Phân tích, lí giải được bức tranh xã hội, xung đột kịch, chủ đề, tư tưởng trong kịch  - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả trong kịch  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh trong kịch  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của vở kịch đối với cuộc sống, xã hội, con người.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của tác giả. |  |  |  |  |  |
| **II** | **Làm văn** | **2. Viết** văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong XH hiện đại) | **Nhận biết**:  - Kiểu bài nghị luận về một vấn đề XH (Hình thành lối sống tích cực trong XH hiện đại)  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận XH.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng đến việc hình thành lối sống tích cực  - Triển khai hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng xác thực, phù hợp.  - Phân tích và đánh giá được ý kiến về vấn đề bàn luận từ một góc nhìn khác.  **Vận dụng**:  - Nêu được những ý nghĩa, bài học rút ra từ từ việc bàn luận vấn đề.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với những ý kiến khác nhau.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những bằng chứng thuyết phục nhằm tăng thêm tính thuyết phục và sức hấp dẫn cho bài viết. |  |  |  |  | 40 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**1.3. Đề kiểm tra và đáp án**

**ĐỀ**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

Lược dẫn: Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp chàng bèn làm nhà ở đấy để học. Một hôm nhân tiết xuân, Tú Uyên đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, nhặt được một chiếc "lá hồng" có đề một câu thơ. Chàng định họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp xuất hiện trước cửa tam quan. Cô gái ấy là Giáng Kiều, một nàng tiên giáng trần. Đoạn trích dưới đây nói về cuộc gặp gỡ ấy.

*Thấy người trước cửa tam quan*

*Theo sau ba bảy con hoàn nhởn nhơ*

*Lạ lùng con mắt người thơ*

*Hoa còn phong nhụy, trăng vừa tròn gương*

*Rành rành xuyến ngọc thoa vàng*

*Quần Nghê tha thướt, sóng Tương rườm rà*

*Mỉa chiều nét ngọc làn hoa*

*Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời*

*Gần xem vẻ mặt thêm tươi*

*Mùi hương thoang thoảng thơm rơi ít nhiều*

*Làn thu lóng lánh đưa theo*

*Não người nhăn chút lông nheo cũng tình*

*Vốn mang cái bệnh Trương sinh*

*Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao?*

*Đưa tình một nét sóng đào*

*Dẫu lòng sắt đá cũng xiêu, lọ người*

*Nhân duyên ví chẳng tự trời*

*Từ lang chưa dễ lạc vời non tiên.*

(Trích *Bích Câu kì ngộ*, Thi Nham Đinh Gia Thuyết đính chính

và chú thích, *Cổ văn Việt Nam,* 1952)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên là? (0,5 điểm)

**Câu 2.** Đoạn trích trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? (0,5 điểm)

**Câu 3.** Đề tài của đoạn trích trên là: (0,5 điểm)

**Câu 4.** Câu chuyện trên được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào? (0,5 điểm)

**Câu 5.** Cảm xúc của chàng trai khi nhìn thấy cô gái là gì? (1,0 điểm)

**Câu 6.** Tác giả sử dụng bút pháp nào để miêu tả cô gái? Nêu tác dụng? (1,0 điểm)

**Câu 7.** Câu thơ “Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời” lấy ý từ câu thành ngữ nào?. Ý nghĩa của câu nói trên? (1,0 điểm)

**Câu 8.** Vì sao tác giả gọi cuộc gặp gỡ của chàng trai và cô gái trong đoạn trích trên là một cuộc kì ngộ? (1,0 điểm)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Bạn hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về **sự cần thiết phải biết trân trọng cuộc sống.**

**ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | Lục bát | 0.5 |
| **2** | Ngôi thứ ba | 0.5 |
| **3** | Gặp gỡ (tình yêu) | 0.5 |
| **4** | Nhân vật ẩn danh | 0.5 |
| **5** | Say đắm | 1,0 |
| **6** | Bút pháp ước lệ, tác dụng: gợi tả sinh động vẻ đẹp tuyệt mĩ của Giáng Kiều | 1,0 |
| **7** | - Thành ngữ “chim sa cá lặn”  - Tác dụng: Ví người phụ nữ đẹp tuyệt trần đến thiên nhiên cũng phải xấu hổ | 1,0 |
| **8** | Cuộc gặp gỡ trên được gọi là một cuộc kì ngộ (cuộc gặp gỡ kì lạ) vì:  - Cô gái ở đây là một nàng tiên giáng trần  - Vừa gặp họ đã đem lòng yêu nhau, như đã có duyên tiền định. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | ***a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội*** | 0,25 |
|  | ***b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận***  Trình bày suy nghĩ về sự cần thiết phải biết trân trọng cuộc sống. | 0,5 |
|  | ***c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm***  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí.  Sau đây là một số gợi ý:  I. MỞ BÀI  - Nêu vấn đề xã hội cần nghị luận: Muốn sống một cuộc đời ý nghĩa, không hối tiếc, con người cần phải biết trân trọng cuộc sống.  - Nêu tính cấp thiết của vấn đề: Trong xã hội xô bồ, hối hả hiện nay, trân trọng cuộc sống là một vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng.  II. THÂN BÀI  1**. Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề:** Trong xã hội xô bồ, hối hả hiện nay, con người dễ rơi vào trạng thái sống vội mà quên lãng những khoảng lặng của cuộc sống. Mặt khác tuổi trẻ thường ít kinh nghiệm sống, chưa nhiều trải nghiệm, nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc về giá trị, ý nghĩa của cuộc sống. Bởi vậy, việc sống biết trân trọng cuộc sống mình đang có là một vấn đề cần quan tâm.  **2. Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự hẹp đến rộng với lí lẽ và bằng chứng phù hợp**: biểu hiện của sự trân trọng cuộc sống: đối với bản thân, trong mối quan hệ với người khác, đối với xã hội; biểu hiện trong mọi lĩnh vực,...  **3. Sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống** – ý nghĩa của việc trân trọng cs:  - Cuộc sống của mỗi con người chỉ có một quỹ thời gian hữu hạn, và một khi trôi qua thì chúng ta không thể lấy lại được.  - Trân trọng cuộc sống giúp ta biết sử dụng từng khoảnh khắc của cuộc sống một cách ý nghĩa nhất  - Trân trọng cuộc sống giúp chúng ta có thái độ cẩn trọng trước mọi lựa chọn trong cuộc đời  - Trân trọng cuộc sống giúp chúng ta đạt được những mục tiêu mà mình đề ra  - Trân trọng cuộc sống giúp chúng ta có đời sống nội tâm thanh thản, không dằn vặt, hối tiếc về quá khứ  - Ý nghĩa với cộng đồng, đất nước  **4. Trải nghiệm của bản thân:** HS đưa ra câu chuyện của thân khi trải nghiệm sống biết trân trọng/không biết trân trọng cuộc sống để từ đó rút ra bài học sống có ý nghĩa.  **5. Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:** HS có thể đưa ra góc nhìn phản biện từ góc độ cuộc sống là của mỗi người, người ta có quyền sống theo kiểu họ muốn, một số người không trân trọng cuộc sống,…  III. KẾT BÀI  - Khẳng định vấn đề: Trân trọng cuộc sống là một vấn đề có tầm quan trọng thiết yếu và có tính cấp bách đối với cuộc sống của mỗi con người.  - Nêu ý nghĩa thực tiễn của vấn đề: Mỗi chúng ta, ngay từ bây giờ, cần ý thức được sự quý giá của thời gian, của cuộc sống, để sống một cách say mê, hữu ích, làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên ý nghĩa hơn. | 2.5 |
|  | ***d. Chính tả, ngữ pháp***  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | ***e. Sáng* tạo:** Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |